

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **2644**/BNN-KH

Hà Nội, ngày **14** tháng **9** năm **2011**

V/v: Tình hình thực hiện năm 2011,
KH năm 2012, phương hướng nhiệm vụ
ngành NN, NT đến năm 2015

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện công văn số 6170/VPCP-TKBT ngày 6/9/2011 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo tình hình thực hiện năm 2011, kế hoạch năm 2012, kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 và phương hướng nhiệm vụ của ngành đến năm 2015.

Bộ Nông nghiệp và PTNT gửi kèm theo công văn này toàn bộ nội dung báo cáo, đề nghị Văn phòng Chính phủ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH và ĐT;
- Lưu VT, Vụ KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng

09578415

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2011, kế hoạch năm 2012;
kết quả thực hiện NĐ-TW 7 và phương hướng nhiệm vụ
đến 2015 ngành Nông nghiệp và PTNT**

(Kèm theo Công văn số **2844** BNN-KH ngày **14** tháng **9** năm **2011**
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011, KẾ HOẠCH NĂM 2012

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2011

1. Về tăng trưởng kinh tế ngành

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2011 ước đạt 5,57% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông lâm thủy sản tăng 2,08%. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản 6 tháng đầu năm 2011 (theo giá cố định 1994) ước đạt 107.065 tỷ đồng, tăng 3,74% so cùng kỳ năm trước; trong đó nông nghiệp đạt 77.794 tỷ đồng tăng 3,25%, lâm nghiệp đạt 3.580 tỷ đồng tăng 5,29%, thủy sản đạt 25.691 tỷ đồng tăng 5,05%.

Ước cả năm 2011, tốc độ tăng GDP nông lâm thủy sản ước đạt 2,3 - 2,6%; tốc độ tăng GTSX nông lâm thủy sản ước đạt 3,9 - 4,2%.

2. Về phát triển sản xuất

a. Trồng trọt

Tính đến ngày 15/8, tổng diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.432,8 ngàn ha, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương đã thu hoạch hơn 1,2 triệu ha lúa hè thu, đạt 62,3%. Diện tích xuống giống lúa thu đông đạt gần 360 ngàn ha, tăng khoảng 140 ngàn ha so với vụ trước.

Sản lượng lúa năm 2011 ước đạt 41,5 triệu tấn, tăng khoảng 1,5 triệu tấn so với năm 2010, đảm bảo được an ninh lương thực trong nước và thực hiện được chỉ tiêu xuất khẩu trên 7 triệu tấn gạo.

Sản xuất rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả: Tính đến ngày 15/8, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực trong cả nước đạt hơn 1,6 triệu ha, tăng 6,8%; tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 648 ngàn ha, rau đậu các loại đạt gần 663 ngàn ha, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cà phê cả năm 2011 đạt khoảng 550 ngàn ha, cao su 760 ngàn ha, chè 137 ngàn ha, cây ăn quả các loại 777 ngàn ha...

09578415

b. Chăn nuôi

Trước tình hình giá thực phẩm tăng, Bộ tập trung chỉ đạo các đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển chăn nuôi. Vì vậy, đến nay chăn nuôi gia cầm và trâu, bò đang phát triển tốt; chăn nuôi lợn đang trên đà khôi phục trở lại. Từ đầu tháng 8 nguồn cung thịt lợn đã tăng, giá bắt đầu giảm. So với thời điểm giá cao nhất của tháng 7, giá thịt lợn hơi cuối tháng 8 ở miền Bắc đã giảm 15,3%, ở miền Nam giảm 9%, chênh lệch giá giữa hai miền còn không đáng kể.

Năm 2011, sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 4,25 triệu tấn, tăng 5,7%; sản lượng trứng ước đạt 6,35 tỷ quả, tăng 8%; sản lượng sữa tươi ước đạt 343,5 ngàn tấn, tăng 12%; sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp quy đổi ước đạt 11,5 triệu tấn, tăng 9,5% so với năm 2010.

c. Lâm nghiệp

Tính đến 20/8, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 110,8 nghìn ha, bằng 74,1% so với cùng kỳ năm trước; rừng trồng được chăm sóc đạt 302,8 nghìn ha (+9,9%); trồng cây phân tán đạt 137,6 triệu cây (+0,4%); rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 696 nghìn ha, bằng 96,4% so với cùng kỳ năm trước; rừng được khoán bảo vệ đạt 2.420,5 nghìn ha (+2,2%); sản lượng gỗ khai thác đạt 2.781 nghìn m³, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2011 ước đạt 40%.

d. Thủy sản

Sản lượng thủy sản 8 tháng đầu đạt 3.575 ngàn tấn (khai thác: 1.730 ngàn tấn, sản lượng nuôi trồng: 1.845 ngàn tấn). Tổng sản lượng thủy sản năm 2011 ước đạt 5,1 triệu tấn, tăng 2,37% so với kế hoạch.

e. Nghề muối

8 tháng đầu năm 2011, thời tiết không thuận lợi cho sản xuất muối. Tính đến 20/8, sản xuất muối đạt 709.836 tấn, bằng 64,3% so với cùng kỳ. Diện tích sản xuất muối cả nước năm 2011 ước đạt 14.585 ha, bằng 96,6% so với năm 2010.

3. Về xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm và thủy sản 8 tháng đạt 16,4 tỷ USD, tăng 34,2% so với cùng kỳ năm 2010. Một số mặt hàng chính: Gạo đạt 5,4 triệu tấn, 2,7 tỷ USD; Cà phê đạt 958 ngàn tấn, 86 triệu USD; Cao su đạt 449 ngàn tấn, 1,9 tỷ USD; Chè đạt 84 ngàn tấn, 127 triệu USD; Hạt điều đạt 108 ngàn tấn, 865 triệu USD; Tiêu đạt 98 ngàn tấn, 545 triệu USD; Sản và các sản phẩm từ sản đạt 1,9 triệu tấn, 674 triệu USD; Lâm sản và đồ gỗ đạt 2,6 tỉ USD; Thủy sản đạt 3,7 tỷ USD. Thặng dư thương mại toàn ngành 8 tháng đầu năm đạt xấp xỉ 6 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành năm 2011 ước đạt 22,5 tỷ USD, tăng khoảng 15% so với năm 2010.

*** Các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu**

Hiện nay, kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện theo Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 4/11/2010 của Chính phủ; xuất khẩu các sản phẩm nông khác thực hiện theo Quyết định số 242/1999/QĐ-TTg ngày 30/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa. Bộ Nông nghiệp và PTNT đang xây dựng Chương trình xuất khẩu thủy sản đến năm 2020 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam; năm 2011, nhiều chương trình, hoạt động đã được triển khai:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại như:

+ Hỗ trợ các hoạt động XTTM thị trường trong nước, trong đó đặc biệt ưu tiên hỗ trợ các tỉnh khu vực trung du, miền núi; đồng thời kết hợp XTTM và XTĐT tại các hoạt động tổ chức Hội chợ triển lãm trong nước cũng như các hoạt động quảng bá sản phẩm nông lâm thủy sản và thủ công mỹ nghệ tại thị trường nước ngoài.

+ Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (VTV1, VTV4, VTC16, Báo Nông nghiệp) nhằm quảng bá hình ảnh sản phẩm NLTS VN trong và ngoài nước, đồng thời tạo điều kiện cho người sản xuất nắm bắt thông tin về thị trường, giá cả và nhu cầu của thị trường.

+ Chủ trì tổ chức gian hàng chung của ngành nông nghiệp tại Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột (từ 10-15/3/2011); triển khai việc hỗ trợ tổ chức Hội chợ triển lãm nông nghiệp khu vực ĐBSCL tại Sóc Trăng (từ ngày 27/4 đến 04/5/2011).

+ Tổ chức sự kiện xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ NLTS tại thị trường Nhật Bản; Italia và Tây Ban Nha, kết hợp tham gia gian hàng Hội chợ thực phẩm tại Italia. Sau các sự kiện quảng bá hàng NLTS, thủ công mỹ nghệ Việt Nam; một số doanh nghiệp Việt Nam đã trao đổi và ký kết được nhiều hợp đồng nguyên tắc với các nhà nhập khẩu lớn nước ngoài.

+ Xử lý các vấn đề thương mại, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, tháo gỡ nhiều rào cản kỹ thuật liên quan đến thương mại, duy trì hợp tác với các đối tác truyền thống, thúc đẩy chương trình xúc tiến thương mại hàng nông lâm thủy sản.

Dự kiến 6 tháng cuối năm 2011 sẽ triển khai Chương trình xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư tại Nam Phi, xây dựng chợ thương mại điện tử, sàn giao dịch, quảng bá hàng nông lâm thủy sản Việt Nam và các nhiệm vụ khác theo kế hoạch đặt ra.

- Về hội nhập và hợp tác quốc tế đã thực hiện các hoạt động:

+ Đàm phán và phê duyệt 11 dự án ODA với tổng vốn là 175,1 triệu USD, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2010, phê duyệt 09 dự án viện trợ phi chính phủ trị giá 2,26 triệu USD, tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Chủ trì và tham gia tổ chức thành công các Hội nghị quốc tế; Chuẩn bị Hội nghị FAO khu vực lần thứ 31 tại VN năm 2012; Chuẩn bị tốt nội dung đón tiếp các đoàn đại biểu của các nước, các nhà tài trợ thăm và làm việc với Bộ.

+ Đàm phán và triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về Nông nghiệp và PTNT trong ASEAN, WTO và với các đối tác song phương (Myanmar, Indonesia, Malaysia, Ucraina, Hà Lan, Uđơbêkistan,...); Chuẩn bị đàm phán với Trung Quốc, thỏa thuận về phối hợp giải quyết vấn đề tàu cá, ngư dân Việt Nam và Trung Quốc hoạt động trên biển.

- Công tác quản lý chất lượng và VS ATTP được đẩy mạnh: Sau khi Quốc hội thông qua Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; Bộ đã ban hành và triển khai Kế hoạch chuẩn bị triển khai Luật An toàn thực phẩm, trong đó tập trung phổ biến Luật An toàn thực phẩm tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Luật; Rà soát văn bản Quy phạm pháp luật dưới Luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Bộ để sửa đổi, bổ sung nhằm điều chỉnh toàn diện, đồng bộ và thống nhất các vấn đề về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo qui định của Luật; Phân công, phân cấp quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý được giao; Kiện toàn hệ thống tổ chức cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, hệ thống thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến địa phương; Thực hiện Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT về kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu; Từ 01/7/2011, Bộ đã triển khai thực hiện Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

4. Về phát triển nông thôn, cải thiện mức sống và điều kiện sống của dân cư nông thôn

Các chương trình lớn như Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình bố trí sắp xếp dân cư; Chương trình 135 giai đoạn II; Chương trình 30a; Chương trình xóa bỏ, thay thế cây trồng có chứa chất ma túy; Chương trình nước sạch và VSMTNT... tiếp tục được triển khai mạnh mẽ và đạt hiệu quả ở nhiều địa phương. Năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn dự kiến giảm còn 12,5% (theo tiêu chí mới giai đoạn 2011-2015); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 83%; tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh ước đạt 58% (theo tiêu chí mới).

5. Về thực hiện đầu tư XDCB

Năm 2011, Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao 7.378,3 tỷ đồng, trong đó có 3.878,3 tỷ đồng vốn ngân sách tập trung (vốn nước ngoài có 2.153 tỷ đồng) và 3.500 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ.

Kết quả thực hiện 8 tháng (1) Vốn ngân sách tập trung ước thực hiện đạt 3.255 tỷ đồng, bằng 84% kế hoạch năm (trong đó, vốn ngoài nước đạt 110% kế hoạch Chính phủ giao và bằng 64% kế hoạch Bộ giao; vốn trong nước đạt 51% kế hoạch). (2) Vốn trái phiếu Chính phủ ước đạt 2.860 tỷ đồng, bằng 82% kế hoạch. Cả năm sẽ hoàn thành 100% kế hoạch.

6. Nhiệm vụ trọng tâm 4 tháng cuối năm

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của ngành, ổn định giá cả hàng nông sản, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định đời sống nhân dân.

- Triển khai các biện pháp nhằm đối phó kịp thời với thiên tai, dịch bệnh nhằm bảo vệ sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân.

- Chuẩn bị và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2012; trước hết là vụ đông ở miền Bắc, vụ mùa và đông xuân ở ĐBSCL, Nam Trung bộ.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2012

1. Mục tiêu phát triển năm 2012

Mục tiêu chung của ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2012 là: Tiếp tục thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp ổn định, bền vững trên cơ sở thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, nhằm đạt hiệu quả và sức cạnh tranh cao, góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Năm 2012, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GDP của ngành đạt 2,3 - 2,6 %; GTSX nông, lâm, ngư nghiệp tăng từ 3,9 - 4,3% (trong đó nông nghiệp 4,3 - 4,6%, lâm nghiệp 2,5 - 3,0%, thủy sản 5,0 - 5,5%); kim ngạch xuất khẩu đạt 24 tỷ USD; Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 40,5%.

2. Kế hoạch thực hiện các mục tiêu

2.1. Kế hoạch thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ngành

a. Phát triển trồng trọt

- *Về sản xuất lương thực:* Năm 2012, giữ khoảng 7,58 triệu ha lúa, sản lượng đạt khoảng 41,5 triệu tấn để vừa bảo đảm đủ lương thực cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu từ 6,5 - 7,0 triệu tấn. Ổn định diện tích ngô khoảng 1,15 triệu ha để đạt sản lượng 4,95 triệu tấn. Diện tích sản duy trì ở quy mô khoảng 520 ngàn ha.

- *Về phát triển các cây công nghiệp:* Ổn định 550 nghìn ha cà phê, 140 ngàn ha chè, 360 ngàn ha điều, 780 ngàn ha cao su. Đối với cây công nghiệp hàng năm, ổn định 275 ngàn ha mía, đậu tương 205 ngàn ha.

- *Về phát triển rau và cây ăn quả:* Tập trung phát triển các loại cây ăn quả có thị trường tiêu thụ thuận lợi; chú trọng phát triển sản xuất rau an toàn. Trong năm 2012 dự kiến diện tích rau, đậu các loại đạt trên 01 triệu ha; sản lượng rau các loại đạt 13,8 triệu tấn, đậu đỗ các loại 195 ngàn tấn.

b. Phát triển chăn nuôi

Phương hướng năm 2012 của ngành chăn nuôi là tiếp tục khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghiệp và nâng cao hiệu quả, khả năng kiểm soát dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2012 của ngành chăn nuôi là 6-6,5%; sản lượng thịt hơi các loại đạt 4,5 triệu tấn; sản lượng trứng 6.860 triệu quả; sữa tươi 378 nghìn tấn; thức ăn chăn nuôi công nghiệp 12,5 triệu tấn. Tỷ trọng GTSX ngành chăn nuôi chiếm 27% trong cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp.

c. Phát triển thủy sản

Mục tiêu năm 2012 của ngành thủy sản là phấn đấu đạt tổng sản lượng thủy sản 5,2 triệu tấn, trong đó khai thác hải sản 2,2 triệu tấn, nuôi trồng thủy sản 3,0 triệu tấn; GTSX thủy sản tăng 5,0-5,5%, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 9,1% so với 2011 (dự kiến đạt 6,0 tỷ USD).

d. Phát triển lâm nghiệp

Kế hoạch năm 2012, sẽ trồng mới 250 ngàn ha rừng (trong đó trồng mới rừng phòng hộ và rừng sản xuất 130 nghìn ha, trồng lại rừng trên diện tích rừng trồng đã khai thác 120 nghìn ha); cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt 30 ngàn ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 160 ngàn ha; trồng 50 triệu cây phân tán. Để thực hiện nhiệm vụ trên, ngành lâm nghiệp tiếp tục triển khai 5 chương trình trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020; sắp xếp, đổi mới hoạt động các lâm trường quốc doanh; tăng cường các biện pháp cấp bách bảo vệ và phát triển rừng...

2.2. Kế hoạch thực hiện mục tiêu cải thiện mức sống và điều kiện sống dân cư nông thôn

- Mục tiêu năm 2012: Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao đời sống dân cư nông thôn, tăng cường công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt ở các huyện còn trên 50% hộ nghèo, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 85%, tỷ lệ hộ dân nông thôn có hố xí hợp vệ sinh đạt 61%.

- Các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai: Chương trình xây dựng NTM, Chương trình XĐGN; Chương trình 135; Chương trình Quy hoạch và điều chỉnh dân cư; Đổi mới tổ chức sản xuất; Chương trình NS và VSMTNT...

2.3. Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Mục tiêu năm 2012: Cùng cố và phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững của toàn ngành và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai: Chiến lược phát triển thủy lợi Việt Nam (Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 9/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ); Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông (Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006, Quyết định 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản (Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 3/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ)...

2.4. Kế hoạch thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế ngành

- Mục tiêu năm 2012: Kim ngạch xuất khẩu NLT sản đạt 24 tỷ USD.

- Các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai: Chương trình quản lý chất lượng VSATTP; Chương trình nghiên cứu và chuyển giao KH-CN; Chương trình xúc tiến thương mại; Chương trình khuyến khích phát triển doanh nghiệp và sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp thuộc Bộ; Kế hoạch hoạt động trong lĩnh vực hợp tác quốc tế...

2.5. Kế hoạch thực hiện mục tiêu sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên tự nhiên và môi trường bền vững

Tổ chức triển khai (1) Kế hoạch hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ, sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng, tài nguyên nước và tài nguyên biển; (2) Kế hoạch hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường nông thôn như Chương trình NS và VSMTNT; hướng dẫn các làng, xã tổ chức các tổ dịch vụ thu gom rác thải trong các thôn, xóm, áp để xử lý chung, tránh gây ô nhiễm hồ, ao, đường xá; hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật...

2.6. Kế hoạch thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực, thể chế để quản lý ngành

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện 06 dự án Luật (Luật Thú y, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Thủy lợi, Luật Nông nghiệp, Luật Thủy sản sửa đổi và Dự án Luật Phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai); trình Chính phủ 8 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ 6 Quyết định; ban hành 60 Thông tư của Bộ. Kiện toàn tổ chức ngành cho phù hợp với bộ máy tổ chức mới của Bộ; hoàn thiện bộ máy quản lý ngành ở địa phương; đẩy mạnh triển khai thực hiện giai đoạn III Đề án 30. Đào tạo cán bộ quản lý, trước hết là cán bộ HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ khoảng 20-25 nghìn người/năm. Phối hợp thực hiện Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên 300 ngàn người.

3. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2012

3.1. Vốn đầu tư phát triển: 18.942 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách nhà nước 11.042 tỷ đồng (vốn trong nước 7.459 tỷ đồng, vốn ngoài nước 3.583 tỷ đồng) và 7.900 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ.

3.2. Chi thường xuyên: Số thông báo của Bộ TC: 2.300,41 tỷ đồng, số đề nghị của Bộ: 3.304,12 tỷ đồng, tăng 1.003,7 tỷ đồng (44%).

PHẦN THỨ HAI
TÓM TẮT KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2015

I. VỀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Cấp ủy, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở đã sớm triển khai nội dung của Nghị quyết; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền; bước đầu tạo sự chuyển biến nhận thức của cán bộ, người dân về nông nghiệp, nông thôn

Để Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống, các Bộ, Ngành, các địa phương trong cả nước đã tổ chức triển khai tinh thần của nội dung Nghị quyết tới các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân. Đến nay đã có 100% số tỉnh, thành phố có Chương trình hành động triển khai Nghị quyết.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Ban Tuyên giáo, Bộ Thông tin-truyền thông và các Đài, báo Trung ương và địa phương mở chuyên trang, chuyên mục về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; mở 2 kênh truyền hình (VTC 16, VTC 14) dành riêng cho nông nghiệp, nông thôn.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã phát động Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Thủ tướng Chính phủ đã phát động phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”...

2. Ban hành nhiều cơ chế chính sách để triển khai thực hiện Nghị quyết

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận về ANLT; Chương trình xây dựng thí điểm mô hình NTM cấp xã... Quốc hội đã ban hành Luật An toàn thực phẩm; Nghị quyết về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp... Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 về Chương trình hành động gồm 45 Chương trình, Đề án. Đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 31 Chương trình, đề án (đạt tỷ lệ 69%): Chính phủ đã ban hành 04 Nghị quyết chuyên đề và 15 Nghị định. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 Chương trình MTQG (Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu; Chương trình Xây dựng nông thôn mới; Chương trình Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020) và nhiều quyết định quan trọng khác. Các Bộ, ngành cũng đã ban hành 67 Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC TỪ NĂM 2008 ĐẾN NAY

1. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn tiếp tục phát triển, đảm bảo vững chắc ANLT, tăng nhanh xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước

Hơn hai năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về thiên tai, dịch bệnh và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới

nhưng nông nghiệp, nông thôn đã vững vàng vượt qua khó khăn, duy trì được tăng trưởng, góp phần ổn định kinh tế - xã hội đất nước. Năm 2009, nông nghiệp nước ta vẫn đạt mức tăng GDP là 1,82%; năm 2010 đạt 2,78%, bằng chỉ tiêu đề ra; nhưng thấp hơn mục tiêu của Nghị quyết (3-3,5%/năm).

Tất cả các lĩnh vực sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản đều có bước phát triển khá. So với năm 2007 (trước khi có Nghị quyết), năm 2010 sản lượng lúa đạt gần 40 triệu tấn, tăng trên 4,0 triệu tấn; sản lượng thịt các loại đạt 4,02 triệu tấn, tăng 725 ngàn tấn; tổng sản lượng thủy sản đạt 5,12 triệu tấn, tăng 990 ngàn tấn; sản lượng muối đạt 1,18 triệu tấn, tăng 340 ngàn tấn; tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,5%, tăng 1,3%.

Nhờ sản xuất tăng trưởng, thị trường thế giới thuận lợi nên tổng kim ngạch xuất khẩu các loại nông, lâm, thủy sản năm 2010 đạt 19,53 tỷ USD, vượt 81% so với mục tiêu Đại hội Đảng X đề ra (10,8 tỷ USD).

2. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân tiếp tục được quan tâm đầu tư

- Trong 3, từ năm 2009-2011, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn đạt gần 290 ngàn tỷ đồng, chiếm khoảng 52% tổng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN và trái phiếu Chính phủ của cả nước. Trong đó, đầu tư cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gần 106 ngàn tỷ đồng (vốn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý trên 24 ngàn tỷ đồng), bằng 37% tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, mỗi năm nhà nước còn chi khoảng 7 đến 8 ngàn tỷ đồng để hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, dịch bệnh... ; hơn 2 ngàn tỷ đồng hỗ trợ nông dân thông qua chính sách miễn giảm thuế nông nghiệp và khoảng 8 ngàn tỷ đồng (vốn xố số kiến thiết) đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Kết quả là, nhiều công trình cơ sở hạ tầng cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân được đầu tư nâng cấp.

+ Hơn 2 năm qua, tổng năng lực tưới thiết kế của các hệ thống thủy lợi cho gieo trồng lúa đã tăng thêm 289.000 ha, cho rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày tăng thêm 100.000 ha; năng lực tiêu thoát nước cho đất nông nghiệp tăng thêm 100.000 ha...

+ Giao thông nông thôn được chú trọng đầu tư nâng cấp. Trong 2 năm (2009 và 2010), về đường giao thông đã mở mới gần 7,5 ngàn km; nâng cấp 29,5 ngàn km; xây dựng gần 3 ngàn cầu bê tông, 205 cầu liên hợp, 295 cầu dầm sắt, 426 cầu treo, 209 cầu gỗ; gần 50 ngàn công các loại.

+ Đến hết năm 2010, tổng số chợ khu vực nông thôn đạt 6.770 chợ, tăng 157 chợ; tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới đạt 95,4%, tăng 1,1%. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin về cơ bản đã phát triển đến các xã vùng sâu, vùng xa. Internet tốc độ cao đã được phủ sóng đến hầu hết các điểm bưu điện văn hóa xã, khoảng 70% số xã có điểm truy nhập internet công cộng. Nhà nước đã duy

trì mạng lưới bưu chính khoảng 16.000 điểm giao dịch; trong đó có khoảng 7.640 điểm bưu điện văn hóa xã để đảm bảo cung cấp dịch vụ thư cơ bản cho mọi người dân.

3. Đời sống và trình độ sản xuất của nhân dân được nâng cao

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2010 toàn quốc còn 14,2% số hộ nghèo. Đến hết năm 2010, 100% các tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS; 100% số xã có Trạm y tế, 80% số thôn bản có nhân viên y tế; khoảng 96,6 nghìn người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Ước hết năm 2011, còn 12,5% số hộ nghèo; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 83%, tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 58% (theo tiêu chí mới)...

Sau 1 năm thực hiện "Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", cả nước đã đào tạo nghề cho 345.140 lao động nông thôn (trong đó 48,6% học các nghề nông nghiệp; 51,4% học các nghề phi nông nghiệp). Chương trình khuyến nông, khuyến ngư đã hình thành Trung tâm khuyến nông ở tất cả 63 tỉnh; các huyện đều có Trạm khuyến nông, mỗi xã có 01 cán bộ khuyến nông cấp xã; số cán bộ khuyến nông có 33.728 người. Hàng năm, mạng lưới khuyến nông đã tham gia tích cực các khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho nông dân. Kết quả là, trình độ kỹ thuật, kỹ năng tổ chức sản xuất của nhân dân được nâng cao.

4. Hình thức tổ chức sản xuất và dịch vụ ở nông thôn không ngừng được củng cố và đổi mới

Kinh tế hộ tiếp tục phát triển mạnh, hiện vẫn là đơn vị sản xuất kinh doanh chủ lực ở nông thôn; kinh tế trang trại có xu hướng phát triển mạnh. Đến năm 2010, cả nước có 146 ngàn trang trại, tăng 30 ngàn trang trại so với năm 2007; 112.000 tổ hợp tác trong nông nghiệp (mỗi năm có gần 4.000 tổ hợp tác mới ra đời); 9.004 HTX nông nghiệp, số lượng hợp tác xã tăng bình quân 2,25 %/năm.

5. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã thực sự tạo ra không khí mới cho các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân

Ban Chỉ đạo các cấp đã được thành lập, trong đó Ban Chỉ đạo Trung ương do Phó Thủ tướng làm trưởng Ban. Đến nay, 63 tỉnh, thành phố đã thành lập xong Ban Chỉ đạo; 84,7% số huyện đã thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện và 52% số xã thành lập xong Ban quản lý chương trình cấp xã. 100% số tỉnh đều đã hoàn thành việc đánh giá sơ bộ thực trạng nông thôn mới theo 19 tiêu chí làm cơ sở để triển khai những bước tiếp theo (1,2% xã đạt từ 15-18 tiêu chí; 3,3% xã đạt từ 10-14 tiêu chí; 50,5% số xã đạt từ 5-9 tiêu chí; 45% số xã đạt dưới 5 tiêu chí).

Năm 2011, Chính phủ đã bố trí 1.600 tỷ đồng cho 50 tỉnh chưa tự cân đối ngân sách để thực hiện quy hoạch, đào tạo, tuyên truyền, phát triển sản xuất và xây dựng một số cơ sở hạ tầng thiết yếu. Nhiều địa phương đã chủ động bổ sung kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để triển khai chương

trình: Hà Tĩnh, Lào Cai, Sóc Trăng... 10/13 tỉnh, thành phố tự túc ngân sách giai đoạn 2011-2015 đã bố trí 5.664,8 tỷ đồng nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai Chương trình (Hà Nội: 1.870 tỷ đồng, Vĩnh Phúc: 1.013 tỷ đồng, TP. Hồ Chí Minh: 903 tỷ đồng, Quảng Ninh: 870,8 tỷ đồng...)

Để huy động sự tham gia và nguồn lực của toàn xã hội, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng Chính phủ đã triển khai cuộc vận động “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Ngày 8/6/2011, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phát động thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại chủ yếu

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ các cấp và người dân về Nghị quyết 26-NQ/TW nói chung và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nói riêng còn chưa đúng và chưa đầy đủ.

- Một số nhiệm vụ và giải pháp về điều chỉnh cơ chế chính sách đã được nêu ra trong Nghị quyết cũng như trong Chương trình hành động của Chính phủ nhưng các Bộ, ngành triển khai chậm, chưa đúng tiến độ và thiếu đồng bộ. Tính đến tháng 6/2011, còn có 14/45 chương trình, đề án trong Chương trình hành động của Chính phủ chưa được phê duyệt (*chiếm 31%*).

- Một số cơ chế chính sách đã ban hành nhưng chậm vào cuộc sống hoặc chưa tạo ra chuyển biến trên thực tế.

2. Nguyên nhân

- Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài từ cuối năm 2008 và đến nay.

- Việc thông tin tuyên truyền về Nghị quyết và quá trình thực hiện còn nhiều bất cập.

- Tổ chức triển khai các cơ chế chính sách đã ban hành chưa thực sự quyết liệt, còn lúng túng, thiếu đồng bộ nên chưa kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc xã hội cũng như tháo gỡ những nút thắt căn bản của phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn tuy có được tăng cao hơn nhưng vẫn còn rất thấp nên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn (nhất là các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn); xây dựng nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu

dài. Từng bước xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015

- Phục hồi tăng trưởng, tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản bình quân 5 năm 2,8 – 3%/năm¹. Tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP cả nước: 17 - 18%.

- Hàng năm, đào tạo 1 triệu lao động nông thôn. Tỷ trọng lao động nông - lâm - thủy sản năm 2015 chiếm 40 - 41% lao động xã hội.

- Thu nhập của người dân nông thôn tăng 1,8 - 2 lần so với năm 2010.

- Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 2%/năm, riêng các huyện, xã nghèo giảm 4%/năm.

- Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 20%. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cấp xã được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, nước sinh hoạt.

- Cải thiện căn bản môi trường và sinh thái nông thôn, tập trung vào đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Triển khai hiệu quả các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 42 - 43%.

2. Những nhiệm vụ cụ thể

2.1. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Tiếp tục rà soát quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở phát huy lợi thế của mỗi địa phương cụ thể tới từng xã, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật nhất là công nghệ cao để tăng nhanh năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, đảm bảo ANLT, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân và xuất khẩu. Phát huy cao thế mạnh về thủy sản, phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền trên biển. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế và môi trường của rừng. Phối hợp với thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp, đưa các nhà máy, khu công nghiệp về nông thôn, thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển mạnh mẽ công nghiệp dịch vụ ở nông thôn. Phát triển mạnh làng nghề gắn với bảo vệ môi trường ở các vùng nông thôn.

¹ Căn cứ vào chỉ tiêu được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI

2.2. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Hỗ trợ tích cực để xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng cấp thôn xã theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đồng thời nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng liên xã, cấp vùng. Có cơ chế để nhân dân tham gia quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng, trong đó chú trọng hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi, hạ tầng nghề cá ven biển.

2.3. Đẩy mạnh triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới để nâng cao nhanh, rõ rệt hơn đời sống vật chất tinh thần của cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

Từng Bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện và bổ sung các văn bản hướng dẫn triển khai các tiêu chí nông thôn mới thuộc trách nhiệm quản lý. Khẩn trương ban hành hướng dẫn lồng ghép, huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, đơn giản hóa thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo, giám sát và đánh giá tiến độ triển khai.

Trên cơ sở hoàn thành quy hoạch và đề án xây dựng NTM cấp xã trong năm 2011, các địa phương ưu tiên bố trí nguồn ngân sách địa phương và hướng dẫn các xã lựa chọn một cách khoa học để tập trung hoàn thành sớm, chú trọng phát triển sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa, xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội và đảm bảo an ninh trật tự xã hội.

2.4. Tiếp tục nỗ lực xóa đói giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng với việc hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo, chú trọng thu hút các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, tạo việc làm cho nông dân. Tiếp tục các chương trình cải thiện điều kiện học tập, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng văn hoá nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, xây dựng tình làng nghĩa xóm, đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn.

2.5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng chú trọng phát triển hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp - nông thôn, kiên quyết sắp xếp lại các nông - lâm trường để nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tiếp tục đổi mới doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế tư nhân.

2.6. Tăng mạnh nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo đầu tư từ ngân sách nhà nước sau 05 năm tăng gấp đôi. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những đột phá về cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ trọng tâm. Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng.

2.7. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực. Đổi mới cơ chế chính sách về khoa học công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình Đào tạo nghề cho lao động NT.

2.8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước về nông nghiệp – nông dân – nông thôn, phát huy sức mạnh các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn. Đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện, bổ sung hệ thống lý luận về nông nghiệp nông thôn, trong đó làm rõ vai trò đặc thù của nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của đất nước; tạo lập vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng dân cư nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy các cấp trong chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW. Các cấp ủy phải phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo để tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện của địa phương; định kỳ tổ chức sơ kết để có giải pháp kịp thời, phù hợp để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn, nhất là trong triển khai phong trào xây dựng nông thôn mới.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT